TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:503/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2024.
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Chấn

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 381/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc: *Tranh chấp ly hôn*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HPT ngày 11/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HPT ngày 22/11/2024 , giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Nơi thường trú: Thôn L, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã D, huyện G, Hà Nội.

*** Bị đơn**: Anh Chu Quang C, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: Thôn L, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Đường D, xã Y, huyện G, Hà Nội. (Chị T và anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*:

* Về tình cảm: Tôi và anh Chu Quang C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2006 tại UBND xã Y, huyện G, Hà Nội. Đây là kết hôn lần đầu của tôi.

Sau kết hôn, vợ chồng tôi chung sống với nhau tại đường D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội sinh sống cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh C thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự và đánh đập tôi. Tôi đã cố gắng chịu đựng vì các con tôi còn nhỏ và mong anh C thay đổi nhưng anh C không thay đổi được gì. Gia đình bố mẹ hai bên có biết về mâu thuẫn vợ chồng và khuyên bảo anh C nhưng vẫn không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Đến tháng 02/2023, tôi đã về nhà bố mẹ đẻ tại đường D, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội sinh sống cho đến nay. Tháng 6/2024, tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C nhưng Tòa án đã khuyên bảo nên tôi đã rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Sau khi rút đơn ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng tôi không cải thiện được gì. Anh C cũng không có phương án nào để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Hiện tại mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh C nữa và không thể đoàn tụ chung sống với nhau hạnh phúc được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C.

Về con chung: Tôi và anh C có 02 con chung là Chu Quang M, sinh ngày 15/7/2007 và Chu Hải Y, sinh ngày 12/11/2017. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng cháu Chu Hải Y còn anh C nuôi cháu M.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Hiện tại tôi đang làm công nhân của Công ty dệt và lương bình quân 10.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung là động sản, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Tôi và anh C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Chu Quang C trình bày như sau:*

Về tình cảm: Tôi và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2006 tại UBND xã Y, huyện G, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tôi có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đầu năm 2022, vợ chồng tôi mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn lý do chị T hay có những lời nói khó nghe đối với tôi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đôi khi trong lúc cãi nhau tôi và chị T có xảy ra xô xát. Đến tháng 2/2023 thì vợ chồng tôi sống ly thân, chị T chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ tại xã D, huyện G, TP Hà Nội. Trong thời gian tôi và chị T ly thân tôi cùng tìm nhiều biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn vẫn vậy. Nay được biết chị T nộp đơn ly hôn tôi tại Tòa án, quan điểm tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tôi không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T vì muốn cho con có cả bố và mẹ

Về con chung: Tôi và chị T có 02 con chung là Chu Quang M, sinh ngày 15/7/2007 và Chu Hải Y, sinh ngày 12/11/2017. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu Chu Quang M và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bận công việc, anh Chu Quang C có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh C.

* *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện*: Chị T và anh C trong quá trình sinh sống tại địa phương thì mâu thuẫn tình cảm của anh chị không thể hiện ra bên ngoài nên không nắm rõ. Khi xảy ra mâu thuẫn cũng không nhờ chính quyền thôn hòa giải. Hiện tại chị T và anh C không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2023 cho đến nay. Về việc cị T nộp đơn ly hôn anh C và các vấn đề về con chung, tài sản thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Quang C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát huyện G, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật và bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 19, 56, 59, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T. Chị T được ly hôn với anh C.

Về con chung: Giao cháu Chu Hải Y, sinh ngày 12/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Chu Quang M, sinh ngày 15/7/2007 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của chị T, anh C cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T là người chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền**: Căn cứ vào căn cước công dân của các đương sự thển hiện: Anh Chu Quang C có đăng ký nơi thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa bàn xã Y, huyện G, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

[2]. **Về thủ tục:** Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Quang C đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 21/12/2006 tại UBND xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn L, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đôi khi trong lúc cãi nhau vợ chồng có xảy ra xô xát. Đến tháng 2/2023 thì vợ chồng tôi sống ly thân cho đến nay, chị T chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ tại xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. Trong thời ly thân vợ chồng cũng tìm nhiều biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn vợ chồng

không thay đổi được gì. Tháng 6/2024, chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C nhưng Tòa án đã khuyên bảo nên chị T đã rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Hiện tại mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống với nhau hạnh phúc được nữa. Anh C xác định tình cảm vẫn còn nhưng không tìm ra phương án nào để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin được ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[4]. **Về con chung**: Chị T và anh C có 02 con chung là Chu Quang M, sinh ngày 15/7/2007 và Chu Hải Y, sinh ngày 12/11/2017.

Khi ly hôn, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Hải Y và giao cho anh Chu Quang C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Quang M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị cho đến khi các con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Nội dung thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con chung nên được ghi nhận.

[5]. **Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung**: Chị T và anh C cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6]. **Về án phí**: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp của pháp luật.

[8]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu,miễn,giảm, thu, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1Mục II Danh mục án phí,lệ phí Tòa án bán hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 được ly hôn với anh Chu Quang C, sinh năm 1980.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Chu Hải Y, sinh ngày 12/11/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung là Chu Quang M, sinh ngày 15/7/2007 cho anh Chu Quang C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Chu Quang C cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị T, anh Chu Quang C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004443 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Quang C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. G;
- THADS H. G;
- TAND TP Hà Nội;
- UBND xã Y, huyện G, TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cồ Khắc Đam